

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh mục công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14;

Căn cứ Luật Khí tượng Thủy văn năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng Thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng Thủy văn;

Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BTNMT ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2809/TTr-STNMT ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc phê duyệt danh mục các công trình phải tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt danh mục công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Gia Lai gồm 65 công trình (có danh mục tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 kèm theo).

Điều 2: Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và các chủ công trình:

a. Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tham mưu UBND tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Quản lý các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo, thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn tại địa phương.

- Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

b. Sở Công Thương:

Hướng dẫn, kiểm tra đơn đốc các chủ công trình quản lý và khai thác đập, hồ chứa thủy điện thuộc danh mục tại Điều 1 của Quyết định này phải lắp đặt công trình quan trắc, thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa và Luật Khí tượng Thủy văn.

c. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Hướng dẫn, kiểm tra đơn đốc các Chủ công trình quản lý và khai thác đập, hồ chứa thủy lợi thuộc danh mục tại Điều 1 của Quyết định này phải thực hiện lắp đặt công trình quan trắc, thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa và Luật Khí tượng Thủy văn.

d. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Theo dõi việc chấp hành pháp luật về khí tượng thủy văn của các đơn vị quản lý, khai thác vận hành hồ chứa thủy điện, thủy lợi, sân bay và Vườn Quốc gia trên địa bàn.

- Theo dõi, đánh giá, khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phòng chống thiên tai trên địa bàn.

đ. Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Nguyên:

- Phối hợp với các Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan và chủ công trình hướng dẫn thực hiện lắp đặt trạm quan trắc khí tượng thủy văn.

- Thực hiện hướng dẫn, kiểm định phương tiện đo tự động, hiệu chuẩn dụng cụ đo, phương tiện đo thủy công chuyên ngành khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các chủ công trình tập huấn quan trắc, đo đạc khí tượng thủy văn.

e. Các chủ công trình quản lý khai thác sân bay, vườn quốc gia, đập, hồ chứa thủy điện và thủy lợi có trách nhiệm.

- Sân bay Pleiku phải thực hiện lắp đặt công trình quan trắc khí tượng thủy văn và thực hiện quan trắc theo quy định của Bộ Giao thông và Vận tải.

- Vườn quốc gia Kon Ka Kinh phải thực hiện lắp đặt công trình quan trắc khí tượng thủy văn và thực hiện quan trắc lượng mưa, nhiệt độ, độ ẩm không khí, hướng và tốc độ gió, tần suất 4 lần một ngày theo giờ Hà Nội vào 1 giờ, 7 giờ, 13 giờ và 19 giờ, bố trí các trạm quan trắc phải đảm bảo khoảng cách từ điểm bất kỳ của vườn đến trạm gần nhất không quá 15km.

- Đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi thuộc loại loại lớn và loại vừa phải thực hiện lắp đặt công trình quan trắc khí tượng thủy văn và thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa. Đối với đập, hồ chứa thuộc điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa quan trắc theo quy định của quy trình vận hành liên hồ chứa.

- Thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn về Tổng cục Khí tượng Thủy văn – Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và UBND các huyện, thị xã, thành phố nơi có công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 48/2020/NĐ-CP của Chính phủ để quản lý theo dõi theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Nguyên; Chủ công trình quản lý khai thác sân bay, vườn quốc gia, đập, hồ chứa thủy điện và thủy lợi có tên tại Điều 1 của Quyết định này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Quyết*

Nơi nhận: *2*

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Tổng cục Khí tượng thủy văn (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (b/c);
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đ/c CVP; Đ/c Hà PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CNXD, NL.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Kpă Thuyên



PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH VÀ CHỦ CÔNG TRÌNH SÂN BAY VÀ VƯỜN QUỐC GIA PHẢI TỔ CHỨC QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

Kèm theo Quyết định số: 408/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Tên công trình	Chủ công trình	Địa chỉ	Vị trí quan trắc	Nội dung quan trắc	Ghi chú
1	Sân bay Pleiku	Cảng Hàng không Pleiku- Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam	Đường 17/3, phường Thống Nhất, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cảng Hàng không Pleiku, Đường 17/3, phường Thống Nhất, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai	Theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải	
2	Vườn Quốc Gia Kon Ka Kinh	Ban Quản lý vườn quốc gia Kon Ka Kinh	Xã Ayun, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Vườn Quốc Gia Kon Ka Kinh, Xã Ayun, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Quan trắc lượng mưa, nhiệt độ, độ ẩm không khí, hướng và tốc độ gió	

Đura

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH VÀ CHỦ CÔNG TRÌNH ĐẬP, HỒ CHỨA THUỶ ĐIỆN PHẢI TỔ CHỨC QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số: *408/QĐ-UBND* ngày *20* tháng *8* năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Tên hồ chứa	Chủ công trình	Địa điểm xây dựng	Dung tích toàn bộ ($10^6 m^3$)	Chiều cao đập lớn nhất (m)	Ghi chú
I	Đập, hồ chứa thủy điện lớn					
1	Hồ Ia Ly	Công ty Thủy điện Ia Ly	Thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	1,037	69,0	02 tỉnh
2	Hồ Sê San 3	Công ty Thủy điện Ia Ly	Thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	92	69,5	02 tỉnh
3	Hồ Sê San 3A	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	Xã Ia Khai, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	80,6	35,0	02 tỉnh
4	Hồ Sê San 4	Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	Xã Ia O, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	893,3	74,13 32,47	02 tỉnh
5	Hồ Sê San 4A (HĐH)	Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	Xã Ia O, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	13,13	31,94 17,6	02 tỉnh
6	Hồ Sông Ba Hạ	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	349,7	50,0	02 tỉnh
7	Hồ An Khê	Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak	Phường An Phước, thị xã An Khê	15,9	23,50	02 tỉnh
8	Hồ Ka Nak	Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak	Thị trấn Kbang, huyện Kbang	313,7	68,00	
9	Vĩnh Sơn(hồ B)	Công ty Cổ phần	Xã Sơn Lang, huyện Kbang	58,8	43,60	02 tỉnh

Quê



	Vĩnh Sơn(hồ C)	Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Xã Đăk Roong, huyện Kbang	97	37,00	
10	Hồ Đăk Srông	Công ty Cổ phần Đăk Srông	Thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro	2,158	4,62	Đập có chiều dài hơn 500m và có lưu lượng tràn xả lũ thiết kế trên 2.000m ³ /s
11	Hồ Đăk Srông 2	Công ty TNHH Thủy điện Tây Nguyên	Xã Yang Nam và Ya Ma, huyện Kông Chro	85,8	40,10	
12	Hồ Đăk Srông 2A	Công ty TNHH Thủy điện Tây Nguyên	Xã Yang Nam và Ya Ma, huyện Kông Chro	0,442	17,00	
13	Hồ Đăk Srông 3A	Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tô Na	Xã Ia Rsum, huyện Krông Pa	5,9	15,50	
14	Hồ Đăk Srông 3B	Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tô Na	Xã Ia Rsum, huyện Krông Pa	3,89	12,00	
15	Hồ Ry Ninh 2	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Thị trấn Ia Ly, huyện Chư Păh	0,263	29,00	
16	Hồ Hà Tây	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	Xã Hà Tây, huyện Chư Păh	0,98	23,00	
17	Hồ Đăk Đoa	Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Xã Đăk Sơ Mei, huyện Đăk Đoa	29,13	27,00	
18	Hồ Ia Grai 2	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	Các xã: Ia Krai và Ia Tô, huyện Ia Grai	5,692	31,00	
19	Hồ Ia Grai 1	Công ty Cổ phần	Xã Ia Tô và Ia Grăng, huyện Ia Grai	17,37	21,50	

Quê

	(hồ A)					
	Hồ Ia Grai 1 (hồ B)	Quốc Cường Gia Lai		0,014	10,8	
20	Hồ Ia Grai 3	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Xã Ia Khai, huyện Ia Grai	31,69	36,50	
21	Hồ Chư Prông	Công ty Cổ phần ĐTXD Điện Phan Vũ	Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai	1,242	17,20	
22	Hồ H'Mun	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Xã Bar Măih, huyện Chư Sê và xã Đê Ar, huyện Mang Yang	0,868	20,90	
23	Hồ H'Chan	Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai	Xã Đê Ar, huyện Mang Yang	0,768	18,20	
24	Hồ Ayun Thượng 1A	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Xã Bar Măih, huyện Chư Sê và xã Đê Ar, huyện Mang Yang	4,54	29,50	
25	Hồ Ia Púch 3	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Xã Ia O; huyện Chư Prông	0,117	16,50	
26	Hồ Ia Krel	Công ty TNHH MTV 74	Xã Ia Kla, huyện Đức Cơ	0,729	15,23	
27	Hồ Ayun Trung	Công ty Cổ phần ĐTXD Thủy điện Quốc Cường	Xã Đê Ar, huyện Mang Yang và xã Trang, huyện Đăk Đoa	2,41	29,60	
28	Hồ Đăk Ble	Công ty Cổ phần ĐTXD Thủy điện Đức Tài	Xã Đăk Roong, huyện Kbang	0,45	15,00	
29	Hồ Plei Keo	Công ty TNHH MTV Trang Đức	Xã Đê Ar, huyện Mang Yang và các xã: Ayun, Bờ Ngoong, Bar Măih, huyện Chư Sê	0,62	24,50	
II	Đập, hồ chứa thủy điện vừa					

Quê



1	Ia H' Trung	Công ty Cổ phần ĐTXD Điện Phan Vũ	Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai	0,34	12,20	
2	Đăk Pi Hao 1	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Xã Kon Chiêng, huyện Mang Yang	0,098	11,40	
3	Đăk Pi Hao 2	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Xã Chơ Long, huyện Kông Chro	0,195	12,00	
4	Ia Đrăng 3	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Xã Ia Đrăng, huyện Chư Prông	0,4	12,00	
5	Ia Meur 3	Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Xã Ia Boòng, huyện Chư Prông	0,021	10,00	
6	Krông Pa 2	Công ty Cổ phần Gia Lâm	Xã Đăk Roong, huyện K'Bang	0,29	10,80	
7	Ia Grăng 1	Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Ia Grăng	Xã Ia Bă, huyện Ia Grai	0,095	11,50	Đang thi công

Quê

PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH VÀ CHỦ CÔNG TRÌNH ĐẬP, HỒ CHỨA THUỶ LỢI PHẢI TỒ CHỨC QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số: 408/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Tên công trình	Chủ công trình	Địa điểm xây dựng	Dung tích toàn bộ ($10^6 m^3$)	Chiều cao đập lớn nhất (m)	Ghi chú
I	Đập, hồ chứa thủy lợi lớn					
1	Hồ Ayun Hạ	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Huyện Phú Thiện	253,00	36,00	
2	Hồ Ia Ring	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Huyện Chư Sê	10,76	24,00	
3	Hồ Ia M'La	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Huyện Krông Pa	54,15	34,20	
4	Hồ Plei Pai	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Xã Ia Lâu, huyện Chư Prông	20,91	16,5	
5	Hồ Hoàng Ân	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Huyện Chư Prông	5,80	20,00	
6	Hồ Ia Glai	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Xã Ia Glai, Huyện Chư Sê	3,60	19,00	
7	Hồ Thị trấn Chư Prông	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông	4,06	25,50	
8	Hồ Tân Sơn	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Huyện Chư Păh	4,40	27,50	
9	Hồ Biển Hồ B	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	TP Plei Ku	12,40	21,00	
10	Hồ Ia Năng	Đội QLKT các Công trình thủy lợi	Huyện Ia Grai	0,45	15,45	
11	Hồ Buôn Lưới	Trạm QL thủy nông huyện Kbang	Huyện Kbang	1,30	14,00	
12	Hồ Plei Tơ Kon	Trạm QL thủy nông huyện Kbang	Huyện Kbang	1,80	15,80	
13	Hồ Hà ra Bắc	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Huyện Mang Yang	0,745	19,60	
14	Hồ Hà ra Nam	Công ty TNHH MTV KTCTTL	Huyện Mang Yang	2,39	22,00	

Quê



		Gia Lai				
16	Hồ Ia Hrungr	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Huyện Ia Grai	2,09	14,00	
17	Hồ Hà Tam	UBND xã Hà Tam	Huyện Đăk Pơ	0,6133	16,50	
18	Hồ Mơ Trai	Trạm QL thủy nông huyện Kbang	Huyện Kbang	0,13	15,60	
19	Hồ IaDreh	Ban QLKT các CTTL huyện	Huyện Krông Pa	5,316	19,10	
20	Hồ Cà Tung 4	Đội công trình Giao thông huyện	Huyện Đăk Pơ	0,6921	17,95	
21	Hồ Ia Mor	Ban quản lý thủy lợi 8	Xã Ia Mor, huyện Chư Prông	17,7	32,0	
22	Hồ Plei Pai	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Xã Ia Lâu, huyện Chư Prông	20,91	16,5	
23	Hồ chứa Plei Thơ Ga	Công ty TNHH MTV KTCTTL Gia Lai	Xã Chư Don, huyện Chư Pưh	10,54	32,48	Đang xây dựng
II Đập, hồ chứa thủy lợi vừa						
1	Hồ Đăk Dăng	Trạm QL thủy nông huyện Kbang	Huyện Kbang	0,77	11,00	
2	Hồ Phú Cẩn	Ban QLKT các CTTL huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	0,952	6,75	
3	Hồ C5	Công ty cà phê Ia Grai	Huyện Ia Grai	0,9400	8,00	
4	Hồ Ia Thông	Công ty cà phê Ia Grai	Huyện Ia Grai	0,8000	5,00	
5	Hồ Trà Đa	UBND xã Trà Đa	TP. Pleiku	0,5000	11,20	

Quê